TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày 10.7.2025.
(V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng.**

-Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ và** Bà **Huỳnh Thị Lệ .**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Duy Toàn**- Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 4, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 4 tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Vương**- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 4 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: **Ngân hàng TMCP T2**; Địa chỉ: Tòa nhà T, số E phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh V – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP T2.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Chuyên viên chính; ông Nguyễn Mạnh H – Chức vụ: Chuyên viên; bà Hồ Thị Thanh N – Chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ khách hàng cá nhân M; bà Trương Thị H1 – Chức vụ: Chuyên viên cao cấp bộ phận Xử lý nợ khách hàng cá nhân Miền Trung; ông Nhan Ngọc L1 và ông Lê Văn Đ – Chức vụ: Chuyên viên bộ phận Xử lý nợ khách hàng cá nhân Miền trung; Địa chỉ liên hệ: số D N, phường K, quận C, Tp ., (nay thuộc phường C - Tp Đà Nẵng), ông Lê Văn Đ có mặt.

-**Bị đơn**: Bà **Lê Huỳnh Giang T** – sinh năm 1980 và ông **Đoàn Anh T1** – sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Tổ B, phường H, quận L, TP ., (nay thuộc phường H - Đà Nẵng) (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Lê Văn Đ , Nhan Ngọc L1** trình bày:

1. Bà Lê Huỳnh Giang T và Ông Đoàn Anh T1 đã vay vốn tại T3 theo các hợp đồng tín dụng sau:

a. Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 428/2022/HDBD/TTB MT2 ngày 20/12/2022, cụ thể:

- Phương thức cho vay: Cho vay từng lần
- Số tiền cho vay: 355.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng);
- Mục đích vay: Thanh toán công nợ mua 01 xe ô tô, Ford Ranger;
- Thời gian vay vốn: 48 tháng (kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày 23/12/2026);
- Ngày giải ngân: 23/12/2022
- Lãi suất: Lãi suất áp dụng bằng lãi suất cơ sở VND kỳ hạn 03 tháng áp dụng đối với khách hàng cá nhân của T3 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,1%/năm,
- K điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần;
- Ngày trả nợ: Ngày 10 hàng tháng;
- Phí trả nợ trước hạn: theo quy định của T3
- **Thông tin tài sản bảo đảm**: để đảm bảo cho khoản vay trên bà T và Ông T1 đã thế chấp cho T3 tài sản bảo đảm theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 428/2022/HDBD/TTB MT2 ngày 20/12/2022 và các phụ lục kèm theo, cụ thể như sau : 01 Xe ô tô FORD; Số loại: RANGER WILDTRAK; Màu: ĐỎ CAM; Biển kiểm soát: 43C-142.50; Số khung: MNCUMFF50HW654404; Số máy: P5AT2338041. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 032285 do phòng C2 Công an T4 cấp ngày 14/12/2022 đứng tên Lê Huỳnh Giang T.
- Việc thế chấp tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

b. Ngoài ra, ngày 06/01/2023, bà Lê Huỳnh Giang T có Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ và được T3 chấp thuận phát hành thẻ tín dụng T3 VISA hạn mức 20,000,000 đồng và thẻ tín dụng T3 hạn mức 15,000,000 đồng và được T3 chấp thuận ngày 09/01/2023

2. Quá trình thực hiện hợp đồng

-Đối với khoản vay theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 428/2022/HDBD/TTB MT2 ngày 20/12/2022, Bà T và Ông T1 đã vi phạm kỳ trả nợ, phát sinh nợ quá hạn từ ngày 11/04/2024. Trong quá trình trả nợ vay, Bà Lê Huỳnh Giang T và Ông Đoàn Anh T1 đã thanh toán cho T3 số tiền 163,826,230 đồng gồm 110,953,123 đồng gốc và 52,873,107 đồng lãi.

-Đối với khoản vay theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 06/01/2023

- **Đối với thẻ tín dụng T3 Visa số thẻ 466582xxxxxx3282**: bà Lê Huỳnh Giang T đã sử dụng thẻ và thanh toán theo quy định cho T3 kể từ ngày 09/01/2023 đến ngày 10/04/2024, kể từ ngày 25/04/2024 đến nay bà T không thực hiện thanh toán cho T3. Ngày bà thư vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 26/04/2024.

- **Đối với thẻ tín dụng T3 JCB hạn số thẻ 356586xxxxxx1194**: bà Lê Huỳnh Giang T đã sử dụng thẻ và thanh toán theo quy định cho T3 kể từ 09/01/2023 đến ngày 20/04/2024, kể từ ngày 05/05/2024 đến nay bà T không thực hiện thanh toán cho T3. Ngày bà thư vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 06/05/2025.

T3 đã làm việc, đôn đốc và tạo điều kiện cho bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 thanh toán nợ nhưng T3 không nhận được sự hợp tác trả nợ. Căn cứ quy định tại Hợp đồng cho vay, T3 đã gửi thông báo thu hồi nợ trước hạn để thu hồi trước hạn toàn bộ khoản nợ của bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1.

Dư nợ của bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 tại T3 tạm tính đến ngày 10/07/2025 như sau:

- Nợ gốc :244,046,877 đồng
- Nợ lãi trong hạn : 30,749,709 đồng
- Nợ lãi quá hạn :15,692,351 đồng
- Nợ thẻ tín dụng T3 : 49,521,878 đồng
- Nợ thẻ tín dụng T3 JCB : 37,991,926 đồng
- Tổng cộng :378,002,741 đồng.

III/ Đề nghị Quý Tòa xem xét và giải quyết.

T3 kính đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Đà Nẵng xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật:

1. Buộc bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 thanh toán ngay cho T3 các khoản nợ gồm:

a) Theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 428/2022/HDBD/TTB MT2 ngày 20/12/2022 bà T và ông T1 phải thanh toán số tiền (tạm tính đến ngày 10/07/2025) là: **290,488,937** đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 244,046,877 đồng, nợ lãi trong hạn 30,749,709 đồng , N1 lãi quá hạn: 15,692,351 đồng, và các khoản tiền lãi, phạt phát sinh trên tổng số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 11/07/2025 đến khi bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 thanh toán hết các nghĩa vụ cho T3.

b) Theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ T3 (466582xxxxxx3282) ký ngày 06/01/2023 bà T phải thanh toán số tiền là **49,521,878** đồng. (trong đó bao gồm: Nợ gốc 17,296,434 đồng; Nợ lãi trong hạn 7,064,031 đồng, N1 lãi quá hạn: 11,844,343 đồng, N1 phí phạt chậm trả: 13,029,070 đồng, Nợ phí phường niên. 288,000 đồng.

c) Theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ T3 (356586xxxxxx1194) ký ngày 06/01/2023 bà T phải thanh toán số tiền là **37,991,926** đồng. (trong đó bao gồm: Nợ gốc 12,776,629 đồng; Nợ lãi trong hạn 6,450,598 đồng, N1 lãi quá hạn: 8,422,317 đồng, N1 phí phạt chậm trả: 9,847,383 đồng, Nợ phí phường niên. 495,000 đồng

2. Trường hợp bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/thanh toán không đầy đủ, T3 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 Xe ô tô FORD; Số loại: RANGER WILDTRAK; Màu: ĐỎ CAM; Biển kiểm soát: 43C-142.50; Số khung: MNCUMFF50HW654404; Số máy: P5AT2338041. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 032285 do phòng C2 Công an T4 cấp ngày 14/12/2022 đứng tên Lê Huỳnh Giang T.

3. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bà Lê Huỳnh Giang T và Ông Đoàn Anh T1 đối với T3. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Bà Lê Huỳnh Giang T và Ông Đoàn Anh T1 có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T3.

4. Bà Lê Huỳnh Giang T và Ông Đoàn Anh T1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ án phí, chi phí tố tụng phát sinh, phí thi hành án và các chi phí khác trong quá trình giải quyết tại Tòa, cơ quan Thi hành án (nếu có) theo quy định.

* Đối với bị đơn bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

* Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ đối với chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp thì không thể xem xét được vì không có tài sản để xem xét ; vid đương sự không mang xe đến do vậy Toà án không thể tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được đối với tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng, vì vậy Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết.

***** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N2, buộc bà T và ông T1 trả nợ vay cho Ngân hàng nếu không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng :***

[1.1].*Về thẩm quyền giải quyết*: Bà Lê Huỳnh Giang T – sinh năm 1980 và ông Đoàn Anh T1 – sinh năm 1978; cùng địa chỉ: K, phường H, quận L, TP . (nay thuộc phường H - Đà Nẵng) nên vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - TP Đà Nẵng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự (Hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. ***Về nội Dung tranh chấp:***

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 428/2022/HDBD/TTB MT2 ngày 20/12/2022 và ngày 06/01/2023 bà Lê Huỳnh Giang T có Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ và được T3 chấp thuận phát hành thẻ tín dụng T3 VISA hạn mức 20.000.000 đồng và thẻ tín dụng T3 VISA FreeGo hạn mức 15,000,000 đồng và được T3 chấp thuận ngày 09/01/2023 giữa Ngân hàng TMCP T2 (nguyên đơn) được ký kết với Bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 (bị đơn) là giao dịch dân sự, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự phù hợp với các điều 116, 117, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

- Căn cứ vào đơn Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 428/2022/HDBD/TTB MT2 ngày 20/12/2022, cụ thể: Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Số tiền cho vay: 355.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng); Mục đích vay: Thanh toán công nợ mua 01 xe ô tô, Ford Ranger; Thời gian vay vốn: 48 tháng (kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày 23/12/2026); Ngày giải ngân: 23/12/2022; Lãi suất áp dụng: bằng lãi suất cơ sở VND kỳ hạn 03 tháng áp dụng đối với khách hàng cá nhân của T3 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,1%/năm; Kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần; Ngày trả nợ: Ngày 10 hàng tháng;

Để đảm bảo cho khoản vay trên bà T và ông T1 đã thế chấp cho T3 tài sản bảo đảm theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 428/2022/HDBD/TTB MT2 ngày 20/12/2022 và các phụ lục kèm theo, cụ thể như sau : 01 Xe ô tô FORD; Số loại: RANGER WILDTRAK; Màu: ĐỎ CAM; Biển kiểm soát: 43C-142.50; Số khung: MNCUMFF50HW654404; Số máy: P5AT2338041. Theo giấy

chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 032285 do phòng C2 Công an T4 cấp ngày 14/12/2022 đứng tên Lê Huỳnh Giang T.

Ngoài ra ngày 06/01/2023, bà Lê Huỳnh Giang T có Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ và được T3 chấp thuận phát hành thẻ tín dụng T3 VISA hạn mức 20.000.000 đồng và thẻ tín dụng T3 VISA FreeGo hạn mức 15,000,000 đồng và được T3 chấp thuận ngày 09/01/2023.

Trong quá trình vay vợ chồng bà T, ông T1 ông đã trả được cho T3 số tiền 163,826,230 đồng gồm 110,953,123 đồng gốc và 52,873,107 đồng lãi và từ đó đến nay không thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc nhưng bị đơn vẫn chay ì. Nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu :

1.Buộc bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 thanh toán ngay cho T3 các khoản nợ gồm:

a.Theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 428/2022/HDBD/TTB MT2 ngày 20/12/2022 bà T và ông T1 phải thanh toán số tiền (tạm tính đến ngày 10/07/2025) là: 290,488,937 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 244,046,877 đồng, nợ lãi trong hạn 30,749,709 đồng , N1 lãi quá hạn: 15,692,351 đồng, và các khoản tiền lãi, phạt phát sinh trên tổng số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 11/07/2025 đến khi Bà Lê Huỳnh Giang T và Ông Đoàn Anh T1 thanh toán hết các nghĩa vụ cho T3.

b.Theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ T3 (466582xxxxxx3282) ký ngày 06/01/2023 bà T phải thanh toán số tiền là 49,521,878 đồng. (trong đó bao gồm: Nợ gốc 17,296,434 đồng; Nợ lãi trong hạn 7,064,031 đồng, N1 lãi quá hạn: 11,844,343 đồng, N1 phí phạt chậm trả: 13,029,070 đồng, Nợ phí phường niên. 288,000 đồng

c.Theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ T3 (356586xxxxxx1194) ký ngày 06/01/2023 bà T phải thanh toán số tiền là 37,991,926 đồng. (trong đó bao gồm: Nợ gốc 12,776,629 đồng; Nợ lãi trong hạn 6,450,598 đồng, N1 lãi quá hạn: 8,422,317 đồng, N1 phí phạt chậm trả: 9,847,383 đồng, Nợ phí phường niên. 495,000 đồng

2.Trường hợp Bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/thanh toán không đầy đủ, T3 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 Xe ô tô FORD; Số loại: RANGER WILDTRAK; Màu: ĐỎ CAM; Biển kiểm soát: 43C-142.50; Số khung: MNCUMFF50HW654404; Số máy: P5AT2338041. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 032285 do phòng C2 Công an T4 cấp ngày 14/12/2022 đứng tên Lê Huỳnh Giang T.

3.Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 đối với T3. Nếu số tiền

thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Bà Lê Huỳnh Giang T và Ông Đoàn Anh T1 có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T3.

4.Bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ án phí, chi phí tố tụng phát sinh, phí thi hành án và các chi phí khác trong quá trình giải quyết tại Tòa, cơ quan Thi hành án (nếu có) theo quy định.

Như vậy, do Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó HĐXX căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 317, 463, 465 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số nợ nói trên và bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng trên kể từ ngày 11/7/2025 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ. Nếu không trả thì phát mãi tài sản thế chấp nói trên theo quy định pháp luật.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là: 18.900.138 đồng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng các điều 116, 117, 119, 317, 463, 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227; Điều 266, Điều 269 và Điều 273, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T2 đối với bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 .

1.1.Buộc bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 thanh toán ngay cho T3 tổng số tiền (tạm tính đến ngày 08/07/2025) là: **378,002,741** đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 244,046,877 đồng, nợ lãi trong hạn 30,749,709 đồng, N1 lãi quá hạn: 15,692,351 đồng; Nợ thẻ tín dụng 356586xxxxxx1194 : 37,991,926 đồng (trong đó bao gồm: Nợ gốc 12,776,629 đồng, Nợ lãi trong hạn 6,450,598 đồng, N1 lãi quá hạn: 8,422,317 đồng, N1 phí phạt chậm trả: 9,847,383 đồng, Nợ phí phường niên. 495,000 đồng); Nợ thẻ tín dụng 466582xxxxxx3282: 49,521,878 đồng (trong đó bao gồm: Nợ gốc 17,296,434 đồng; Nợ lãi trong hạn 7,064,031 đồng, N1 lãi quá hạn: 11,844,343 đồng, N1 phí phạt chậm trả: 13,029,070 đồng, Nợ phí phường niên. 288,000 đồng**)** và bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác (nếu có) phát sinh theo các

Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng trên kể từ ngày 11/7/2025 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ cho T3.

1.2.Trường hợp bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/thanh toán không đầy đủ, T3 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 Xe ô tô FORD; Số loại: RANGER WILDTRAK; Màu: ĐỎ CAM; Biển kiểm soát: 43C-142.50; Số khung: MNCUMFF50HW654404; Số máy: P5AT2338041. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 032285 do phòng C2 Công an T4 cấp ngày 14/12/2022 đứng tên Lê Huỳnh Giang T.

1.3.Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 đối với T3. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T3.

1.4.Bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ án phí, chi phí tố tụng phát sinh, phí thi hành án và các chi phí khác trong quá trình giải quyết tại Tòa, cơ quan Thi hành án (nếu có) theo quy định.

Trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 18.900.138 đồng; bà T và ông T1 phải chịu.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP T2** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.129.292 đồng (*bảy triệu một trăm hai mươi chín ngàn hai trăm chín mươi hai đồng y*) theo biên lai thu số 9064 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3.Tiền xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000đ bà Lê Huỳnh Giang T và ông Đoàn Anh T1 phải chịu; Ngân hàng TMCP T2 đã chi xong nên bà T và ông T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP T2 số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Khu vực 4;*
- *Phòng THADS Khu vực 4;;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hoàng